

(Kèm theo Tờ trình số 184/TTr-THCSKS ngày 28/5/2024 của Trường THCS Kim Sơn)

TT	STT	Chủ đề dạy học	Tên thiết bị	Đối tượng sử dụng		Đơn vị	Định mức	Ghi chú	Số lượng	Đơn giá khảo sát	Thành tiền	Ghi chú		
				GV	HS									
	MÔN NGỮ VĂN													
	I	TRANH ẢNH												
		Chủ đề 1. Đọc												
		Chủ đề 2: Viết												
	II	VIDEO/CLIP/PHIM (Tư liệu dạy học điện tử)												
MÔN TOÁN														
	A	THIẾT BỊ DÙNG CHUNG												
1	2	Hình học	Bộ thước thực hành đo khoảng cách, đo chiều cao ngoài trời	x	x	Bộ	04/GV		4	2,930,000	11,720,000			
2	3	Thống kê và Xác suất	Bộ thiết bị dạy Thống kê và Xác suất	x	x	Bộ	08/GV		8	35,000	280,000			
3				x	x	Bộ	08/GV		8	20,000	160,000			
4				x	x	Hộp	08/GV		8	25,000	200,000			
	B	THIẾT BỊ THEO CÁC CHỦ ĐỀ											-	
	I	MÔ HÌNH											-	
	1	HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG											-	
5	1.1	Hình học phẳng	Bộ thiết bị dạy hình học phẳng	x	x	Bộ	08/GV	Dùng cho lớp 6, 7	8	75,000	600,000			
6	1.2	Hình học trực quan	Bộ thiết bị dạy học hình học trực quan (các hình khối trong thực tiễn)	x	x	Bộ	08/GV	Dùng cho lớp 7	8	850,000	6,800,000			
7				x	x	Bộ	08/GV	Dùng cho lớp 8	8	750,000	6,000,000			
8				x	x	Bộ	08/GV	Dùng cho lớp 9	8	1,355,000	10,840,000			
	II	PHẦN MỀM (PHẢI SỬ DỤNG PHẦN MỀM KHÔNG VI PHẠM BẢN QUYỀN)											-	
	MÔN NGOẠI NGỮ											-		
	Thiết bị dạy học ngoại ngữ thông dụng (lựa chọn 1)											-		
	Hệ thống thiết bị dạy học ngoại ngữ chuyên dụng (lựa chọn 2)											-		
	Hệ thống thiết bị dạy học ngoại ngữ chuyên dụng có máy tính của học sinh (lựa chọn 3)											-		
	DỤC CÔNG DÂN											-		
	A	TRANH ẢNH											-	

TT	STT	Chủ đề dạy học	Tên thiết bị	Đối tượng sử dụng		Đơn vị	Định mức	Ghi chú	Số lượng	Đơn giá khảo sát	Thành tiền	Ghi chú
				GV	HS							
	1	Chủ đề 1: Yêu nước									-	
	2	Chủ đề 2: Nhân ái									-	
	3	Chủ đề 3: Chăm chỉ									-	
	4	Chủ đề 4: Trách nhiệm									-	
	5	Chủ đề 5: Kỹ năng nhận thức, quản lí bản thân									-	
	6	Chủ đề 6: Kỹ năng tự bảo vệ									-	
	7	Chủ đề 7: Hoạt động tiêu dùng									-	
	8	Chủ đề 8: Quyền và nghĩa vụ công dân									-	
	B	Video/clip									-	
	C	DỤNG CỤ									-	
9	1	Tự nhận thức bản thân	Bộ dụng cụ thực hành tự nhận thức bản thân	x	x	Bộ	01/6HS	Dùng cho lớp 6	7	1,982,000	13,874,000	
10	2	Ứng phó với tình huống nguy hiểm	Bộ dụng cụ cho HS thực hành ứng phó với các tình huống nguy hiểm	x	x	Bộ	02/GV	Dùng cho lớp 6	2	4,320,000	8,640,000	
11	3	Tiết kiệm	Bộ dụng cụ thực hành tiết kiệm	x	x	Bộ	01/6HS	Dùng cho lớp 6, 7, 8, 9	7	180,000	1,260,000	
	LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÝ										-	
	PHÂN MÔN LỊCH SỬ										-	
	LỚP 6										-	
	I	Tại sao cần học Lịch sử									-	
	1	Dựa vào đâu để biết và dựng lại lịch sử									-	
	II	Thời nguyên thủy									-	
	1	Nguồn gốc loài người									-	
	2	Xã hội nguyên thủy									-	
	III	Xã hội cổ đại									-	
	IV	Đông Nam Á từ khoảng thời gian giáp Công nguyên đến thế kỷ X									-	
	1	Khái lược về Đông Nam Á và các nhà nước sơ kì ở Đông Nam Á									-	
	2	Giao lưu thương mại và văn hóa ở Đông Nam Á từ đầu Công nguyên đến thế kỉ X									-	
	V	Việt Nam từ khoảng thế kỷ VII TCN đến thế kỷ X									-	

TT	STT	Chủ đề dạy học	Tên thiết bị	Đối tượng sử dụng		Đơn vị	Định mức	Ghi chú	Số lượng	Đơn giá khảo sát	Thành tiền	Ghi chú
				GV	HS							
	1	Nhà nước Văn Lang, Âu Lạc									-	
	2	Thời kì Bắc thuộc và chống Bắc thuộc từ thế kỉ II trước Công nguyên đến năm 938									-	
	3	Các vương quốc Champa và Phù Nam									-	
	LỚP 7									-		
	I	Tây Âu từ thế kỷ V đến thế kỷ XVI									-	
	1	Các cuộc phát kiến địa lý									-	
	2	Văn hóa Phục hưng									-	
	II	Trung Quốc từ thế kỷ VII đến giữa thế kỷ XIX									-	
	III	Đông Nam Á từ nửa sau thế kỷ X đến nửa đầu thế kỷ XVI									-	
	IV	Việt Nam từ thế kỷ X đến giữa thế kỷ XVI									-	
		CHỦ ĐỀ CHUNG									-	
		Các cuộc phát kiến địa lý (sử dụng các thiết bị dạy học tối thiểu của chủ đề 1.2.)									-	
	LỚP 8									-		
	I	CHÂU ÂU VÀ BẮC MỸ TỪ NỬA SAU THẾ KỈ XVI ĐẾN THẾ KỈ XVIII									-	
	1	Cách mạng tư sản Anh (thế kỉ XVII)									-	
	2	Chiến tranh giành độc lập của 13 thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ									-	
	3	Cách mạng tư sản Pháp (thế kỉ XVIII)									-	
	4	Cách mạng công nghiệp									-	
	II	ĐÔNG NAM Á TỪ NỬA SAU THẾ KỈ XVI ĐẾN THẾ KỈ XIX									-	
	1	Quá trình xâm lược Đông Nam Á của thực dân phương Tây									-	

TT	STT	Chủ đề dạy học	Tên thiết bị	Đối tượng sử dụng		Đơn vị	Định mức	Ghi chú	Số lượng	Đơn giá khảo sát	Thành tiền	Ghi chú
				GV	HS							
	2	Tình hình chính trị, kinh tế, xã hội và văn hóa của các nước Đông Nam Á									-	
	3	Cuộc đấu tranh chống ách đô hộ của thực dân phương Tây ở Đông Nam Á									-	
	III	VIỆT NAM TỪ ĐẦU THẾ KỈ XVI ĐẾN THẾ KỈ XVIII									-	
	1	Tình hình Việt Nam từ thế kỉ XVI đến thế kỉ XVIII									-	
	IV	CHÂU ÂU VÀ BẮC MỸ TỪ CUỐI THẾ KỈ XVIII ĐẾN ĐẦU THẾ KỈ XX									-	
	1	Chủ nghĩa đế quốc và các nước đế quốc phương Tây cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX									-	
	2	Phong trào công nhân và sự ra đời của chủ nghĩa Marx									-	
	3	Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 - 1918)									-	
	4	Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917									-	
	V	SỰ PHÁT TRIỂN CỦA KHOA HỌC, KỸ THUẬT, VĂN HỌC, NGHỆ THUẬT TRONG CÁC THẾ KỈ XVIII - XIX									-	
	VI	CHÂU Á TỪ NỬA SAU THẾ KỈ XIX ĐẾN ĐẦU THẾ KỈ XX									-	
	1	Trung Quốc									-	
	2	Nhật Bản									-	
	3	Đông Nam Á									-	
	VII	VIỆT NAM TỪ THẾ KỈ XIX ĐẾN ĐẦU THẾ KỈ XX									-	
	1	Việt Nam nửa đầu thế kỉ XIX									-	
	2	Việt Nam nửa sau thế kỉ XIX									-	
	3	Việt Nam đầu thế kỉ XX									-	
	TỔNG CHUNG									-		

TT	STT	Chủ đề dạy học	Tên thiết bị	Đối tượng sử dụng		Đơn vị	Định mức	Ghi chú	Số lượng	Đơn giá khảo sát	Thành tiền	Ghi chú
				GV	HS							
	VIII	VĂN MINH CHÂU THỎ SÔNG HỒNG VÀ SÔNG CỬU LONG (dùng cho lớp 8 và lớp 9)									-	
	1	Giới thiệu tổng quát về châu thổ Sông Hồng và châu thổ sông Cửu Long									-	
	IX	BẢO VỆ CHỦ QUYỀN, CÁC QUYỀN VÀ LỢI ÍCH HỢP PHÁP CỦA VIỆT NAM Ở BIỂN ĐÔNG (dùng cho Lớp 8 và Lớp 9)									-	
	1	Phạm vi và đặc điểm môi trường và tài nguyên biển, đảo Việt Nam									-	
	2	Quá trình xác lập chủ quyền biển đảo trong lịch sử Việt Nam									-	
	LỚP 9									-		
	I	THẾ GIỚI TỪ NĂM 1918 ĐẾN NĂM 1945									-	
	1	Nước Nga và Liên Xô từ năm 1918 đến năm 1945									-	
	2	Chiến tranh thế giới thứ hai (1939 - 1945)									-	
	II	VIỆT NAM TỪ NĂM 1918 ĐẾN NĂM 1945									-	
	III	THẾ GIỚI TỪ NĂM 1945 ĐẾN NĂM 1991									-	
	1	Liên Xô và các nước Đông Âu từ năm 1945 đến năm 1991									-	
	2	Nước Mỹ và các nước Tây Âu từ năm 1945 đến năm 1991									-	
	3	Mỹ Latinh từ năm 1945 đến năm 1991									-	
	4	Châu Á từ năm 1945 đến năm 1991									-	
	XV	VIỆT NAM TỪ NĂM 1945 ĐẾN NĂM 1991									-	
	1	Việt Nam trong năm đầu sau Cách mạng tháng Tám									-	
	2	Việt Nam từ năm 1946 đến năm 1954									-	
	3	Việt Nam từ năm 1954 đến năm 1975									-	
	4	Việt Nam trong những năm 1976 – 1991									-	
	V	THẾ GIỚI TỪ NĂM 1991 ĐẾN NAY (2021)									-	
		Châu Á từ năm 1991 đến nay									-	

TT	STT	Chủ đề dạy học	Tên thiết bị	Đối tượng sử dụng		Đơn vị	Định mức	Ghi chú	Số lượng	Đơn giá khảo sát	Thành tiền	Ghi chú	
				GV	HS								
	VI	VIỆT NAM TỪ NĂM 1991 ĐẾN NAY (2021)									-		
	VII	VĂN MINH CHÂU THỎ SÔNG HỒNG VÀ SÔNG CỬU LONG (2), (Sử dụng chung với thiết bị dạy học tối thiểu của chủ đề này trong chương trình Lớp 8)									-		
	VIII	BẢO VỆ CHỦ QUYỀN, CÁC QUYỀN VÀ LỢI ÍCH HỢP PHÁP CỦA VIỆT NAM Ở BIỂN ĐÔNG (2), (Sử dụng chung với thiết bị dạy học tối thiểu của chủ đề này trong chương trình Lớp 8)										-	
	IX	BỘ HỌC LIỆU ĐIỆN TỬ HỖ TRỢ GV (DÙNG CHUNG CHO TẤT CẢ CÁC LỚP Ở CẤP THCS)									-		
	PHÂN MÔN ĐỊA LÝ										-		
	A	THIẾT BỊ DÙNG CHUNG									-		
12	1		Quả địa cầu hành chính		x	quả	03/ trường		2	495,000	990,000		
13	2		Quả địa cầu tự nhiên		x	quả	03/ trường		3	495,000	1,485,000		
14	3		La bàn		x	chiếc	01/ 05 lớp		1	126,000	126,000		
15	4		Hộp quặng và khoáng sản chính ở Việt Nam		x	hộp	01/GV		1	648,000	648,000		
16	5		Nhiệt - ẩm kế treo tường		x	chiếc	01/GV		1	243,000	243,000		
	B	THIẾT BỊ THEO CÁC CHỦ ĐỀ									-		
	I	TRANH ẢNH									-		
	LỚP 6										-		
	1	Chủ đề : Bản đồ - Phương tiện thể hiện bề mặt Trái Đất									-		
	2	Chủ đề: Trái Đất - hành tinh của hệ Mặt Trời									-		
	3	Chủ đề: Cấu tạo của Trái Đất. Vỏ Trái Đất									-		
	4	Chủ đề: Khí hậu và biến đổi khí hậu									-		
	5	Chủ đề: Nước trên Trái Đất									-		
	6	Chủ đề: Đất và sinh vật trên Trái Đất									-		
	LỚP 7										-		

TT	STT	Chủ đề dạy học	Tên thiết bị	Đối tượng sử dụng		Đơn vị	Định mức	Ghi chú	Số lượng	Đơn giá khảo sát	Thành tiền	Ghi chú
				GV	HS							
	1	Chủ đề: Châu Mỹ									-	
	LỚP 9									-		
	1	Chủ đề: Phát triển tổng hợp kinh tế và bảo vệ tài nguyên, môi trường biển đảo									-	
	II	BẢN ĐỒ/LƯỠC ĐỒ									-	
	LỚP 6									-		
	1	Chủ đề: Trái Đất - hành tinh của hệ Mặt Trời									-	
	2	Chủ đề: Cấu tạo của Trái Đất, Vỏ Trái Đất									-	
	3	Chủ đề: Khí hậu và biến đổi khí hậu									-	
	4	Chủ đề: Nước trên Trái Đất									-	
	5	Chủ đề: Đất và sinh vật trên Trái Đất									-	
	6	Chủ đề: Con người và thiên nhiên									-	
	LỚP 7									-		
	1	Chủ đề: Châu Âu									-	
	2	Chủ đề: Châu Á									-	
	3	Chủ đề: Châu Phi									-	
	4	Chủ đề: Châu Mỹ									-	
	5	Chủ đề: Châu Đại Dương									-	
	6	Chủ đề: Châu Nam Cực									-	
	LỚP 8									-		
	1	Chủ đề: Đặc điểm vị trí địa lý và phạm vi lãnh thổ Việt Nam									-	
	2	Chủ đề: Đặc điểm địa hình và khoáng sản Việt Nam									-	

TT	STT	Chủ đề dạy học	Tên thiết bị	Đối tượng sử dụng		Đơn vị	Định mức	Ghi chú	Số lượng	Đơn giá khảo sát	Thành tiền	Ghi chú
				GV	HS							
	3	Chủ đề: Đặc điểm khí hậu và thủy văn Việt Nam									-	
	4	Chủ đề: Đặc điểm thổ nhưỡng và sinh vật Việt Nam									-	
	5	Chủ đề: Biển đảo Việt Nam									-	
	LỚP 9									-		
	1	Chủ đề: Dân cư Việt Nam									-	
	2	Chủ đề: Ngành nông, lâm, thủy sản									-	
	3	Chủ đề: Ngành công nghiệp									-	
	4	Chủ đề: Ngành dịch vụ									-	
	5	Chủ đề: Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ									-	
	6	Chủ đề: Vùng Đồng bằng sông Hồng									-	
	7	Chủ đề: Vùng Bắc Trung Bộ									-	
	8	Chủ đề: Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ									-	
	9	Chủ đề: Vùng Tây Nguyên									-	
	10	Chủ đề: Vùng Đông Nam Bộ									-	
	11	Chủ đề: Vùng Đồng bằng sông Cửu Long									-	
	12	Chủ đề: Phát triển tổng hợp kinh tế và bảo vệ tài nguyên, môi trường biển đảo									-	
	III	VIDEO/CLIP/PHÂN MỀM									-	
	LỚP 6									-		
	1	Chủ đề: Trái Đất - Hành tinh của hệ Mặt Trời									-	
	2	Chủ đề: Cấu tạo của Trái Đất. Vỏ Trái Đất									-	
	3	Chủ đề: Khí hậu và biến đổi khí hậu									-	

TT	STT	Chủ đề dạy học	Tên thiết bị	Đối tượng sử dụng		Đơn vị	Định mức	Ghi chú	Số lượng	Đơn giá khảo sát	Thành tiền	Ghi chú
				GV	HS							
	4	Chủ đề: Đất và sinh vật trên Trái Đất									-	
	LỚP 7									-		
	1	Chủ đề: Châu Mỹ									-	
	2	Chủ đề: Châu Nam Cực									-	
	LỚP 8									-		
	1	Chủ đề: Đặc điểm thổ nhưỡng và sinh vật Việt Nam									-	
	2	Chủ đề: Biển đảo Việt Nam									-	
	C	HỌC LIỆU ĐIỆN TỬ									-	
	HOA HỌC TỰ NHIÊN									-		
	I	THIẾT BỊ DÙNG CHUNG (Số lượng thiết bị được tính cho 01 PHBM)									-	
17	1.		Biến áp nguồn	x	x	Cái	7		7	2,310,000	16,170,000	
18	2.		Bộ giá thí nghiệm	x	x	Bộ	7		7	1,738,000	12,166,000	
19	3.		Đồng hồ đo thời gian hiện số	x	x	Cái	2		2	1,864,000	3,728,000	
20	5.		Bảng thép	x	x	Cái	7		7	567,000	3,969,000	
21	6.		Quả kim loại	x	x	Hộp	7		5	360,000	1,800,000	
22	7.		Đồng hồ đo điện đa năng	x	x	Cái	7		7	990,000	6,930,000	
23	8.		Dây nối	x	x	Bộ	7		4	378,000	1,512,000	
24	9.		Dây điện trở	x	x	Dây	7		7	184,000	1,288,000	
25	11.		Máy phát âm tần	x	x	Cái	2		2	1,980,000	3,960,000	
26	12.		Cổng quang	x	x	Cái	4		4	295,000	1,180,000	Cổng quang điện
27	13.		Bộ thu nhận số liệu	x	x	Cái	1		1	29,610,000	29,610,000	

TT	STT	Chủ đề dạy học	Tên thiết bị	Đối tượng sử dụng		Đơn vị	Định mức	Ghi chú	Số lượng	Đơn giá khảo sát	Thành tiền	Ghi chú
				GV	HS							
28	14.		Cảm biến điện thế	x	x	Cái	2		2	2,950,000	5,900,000	
29	15.		Cảm biến dòng điện	x	x	Cái	2		2	2,950,000	5,900,000	
30	16.		Cảm biến nhiệt độ	x	x	Cái	2		2	2,659,200	5,318,400	
31	19.		Cốc đốt	x	x	Cái	7		7	130,000	910,000	
32	20.		Bộ thanh nam châm	x	x	Bộ	7		7	212,500	1,487,500	
33	21.		Biến trở con chạy	x	x	Cái	7		5	436,800	2,184,000	
34	24.		Nguồn sáng	x	x	Bộ	7		7	1,580,000	11,060,000	
35	25.		Bút thử điện thông mạch	x	x	Cái	7		7	99,000	693,000	
36	26.		Nhiệt kế (lồng)	x	x	Cái	7		7	72,000	504,000	Cảm biến nhiệt đ
37	28.		Thấu kính phân kì	x	x	Cái	7		3	225,000	675,000	
38	29.		Giá đỡ ống nghiệm		x	Cái	7		2	68,000	136,000	
39	31.		Lưới thép tản nhiệt		x	Cái	7		2	25,000	50,000	
40	32.		Găng tay cao su		x	Đôi	45		45	32,400	1,458,000	
41	33.		Áo choàng		x	Cái	45		43	171,000	7,353,000	
42	34.		Kính bảo hộ		x	Cái	45		38	75,000	2,850,000	
43	35.		Chổi rửa ống nghiệm		x	Cái	7		5	35,000	175,000	
44	36.		Khay mang dụng cụ và hóa chất		x	Cái	7		4	333,000	1,332,000	
45	38.		Cốc thủy tinh loại 250 ml	x	x	Cái	7		2	67,200	134,400	
46	39.		Cốc thủy tinh 100 ml	x	x	Cái	7		3	54,000	162,000	

TT	STT	Chủ đề dạy học	Tên thiết bị	Đối tượng sử dụng		Đơn vị	Định mức	Ghi chú	Số lượng	Đơn giá khảo sát	Thành tiền	Ghi chú
				GV	HS							
47	40.		Chậu thủy tinh	x	x	Cái	7		2	162,000	324,000	
48	41.		Ống nghiệm	x	x	Cái	50		20	6,300	126,000	
49	43.		Bình tam giác 250ml		x	Cái	7		1	72,000	72,000	
50	44.		Bình tam giác 100ml		x	Cái	7		2	154,000	308,000	
51	45.		Bộ ống dẫn thủy tinh các loại	x	x	Bộ	7		4	54,000	216,000	
52	46.		Bộ nút cao su có lỗ và không có lỗ các loại	x	x	Bộ	7		3	126,000	378,000	
53	49.		Thìa xúc hóa chất	x	x	Cái	7		5	16,000	80,000	
54	50.		Đũa thủy tinh	x	x	Cái	7		4	16,000	64,000	
55	51.		Pipet (ống hút nhỏ giọt)		x	Cái	7		4	108,000	432,000	
56	52.		Cân điện tử		x	Cái	2		2	693,000	1,386,000	
57	53.		Giấy lọc	x	x	Hộp	7		6	99,000	594,000	
	54.		Nhiệt kế y tế		x	Cái	7			72,000	-	
58	55		Kính hiển vi		x	Cái	7		5	4,200,000	21,000,000	
59	56.		Kẹp ống nghiệm	x	x	Cái	14		8	28,000	224,000	
	58.	Hóa chất dùng chung									-	
60	1		Bột lưu huỳnh (S)	x	x	gam	100		20	306	6,120	
61	2		iodine (I ₂)	x	x	gam	5		5	18,000	90,000	
62	3		Dung dịch nước bromine (Br ₂)	x	x	ml	50		10	1,584	15,840	
63	4		Đồng phoi bảo (Cu)	x	x	gam	100		10	900	9,000	
64	5		Bột sắt	x	x	gam	100		10	630	6,300	

TT	STT	Chủ đề dạy học	Tên thiết bị	Đối tượng sử dụng		Đơn vị	Định mức	Ghi chú	Số lượng	Đơn giá khảo sát	Thành tiền	Ghi chú
				GV	HS							
65	6		Đinh sắt (Fe)	x	x	gam	100		20	306	6,120	
66	7		Zn (viên)	x	x	gam	100		20	486	9,720	
67	8		Sodium (Na)	x	x	gam	50		30	4,968	149,040	
68	9		Magnesium (Mg) dạng mảnh	x	x	gam	50		10	1,404	14,040	
69	10		Cu ^{per} (II) oxide (CuO),	x	x	gam	50		10	1,584	15,840	
70	11		Đá vôi cục	x	x	gam	50		50	612	30,600	
71	13		Sodium hydroxide (NaOH)	x	x	gam	100		50	360	18,000	
72	14		Copper sulfate (CuSO ₄)	x	x	gam	50		30	792	23,760	
73	15		Hydrochloric acid (HCl) 37%	x	x	lít	0.5		0.4	140,400	56,160	
74	16		Sulfuric acid 98% (H ₂ SO ₄)	x	x	lít	0.2		0.1	396,000	39,600	
75	17		Dung dịch ammonia (NH ₃) đặc	x	x	lít	0.2		0.2	297,000	59,400	
76	19		Barichloride (BaCl ₂) rắn	x	x	gam	10		10	3,060	30,600	
77	20		Sodium chloride (NaCl)	x	x	gam	100		50	306	15,300	
78	21		Sodiumsulfate (Na ₂ SO ₄) dung dịch	x	x	lít	0.2		0.1	252,000	25,200	
79	22		Silver nitrate (AgNO ₃)	x	x	lít	0.2		0.1	5,445,000	544,500	
80	23		Ethyl alcohol 96° (C ₂ H ₅ OH)	x	x	lít	0.2		0.2	153,000	30,600	
81	24		Glucose (kết tinh) (C ₆ H ₁₂ O ₆)	x	x	gam	100		100	360	36,000	
82	25		Nến (Parafin) rắn	x	x	gam	100		100	390	39,000	

TT	STT	Chủ đề dạy học	Tên thiết bị	Đối tượng sử dụng		Đơn vị	Định mức	Ghi chú	Số lượng	Đơn giá khảo sát	Thành tiền	Ghi chú	
				GV	HS								
83	26		Giấy phenolphthalein	x	x	hộp	2		2	39,500	79,000		
84	27		Dung dịch phenolphthalein	x	x	lít	0.2		0.2	345,000	69,000		
85	28		Nước oxi già y tế (3%)	x	x	lít	0.2		0.1	250,000	25,000		
86	29		Cồn đốt	x	x	lít	2			2	99,000	198,000	
87	30		Nước cất	x	x	lít	1			0.8	32,000	25,600	
88	31		Al (Bột)	x	x	gam	100			10	900	9,000	
89	34		Calcium oxide (CaO)	x	x	gam	100			50	306	15,300	
	II	TRANH/ẢNH										-	
	LỚP 6										-		
		Chất và sự biến đổi chất										-	
		Các thể (trạng thái) của chất										-	
		Vật sống										-	
		Tế bào - đơn vị cơ sở của sự sống										-	
		Đa dạng thế giới sống										-	
		Sự đa dạng của các nhóm sinh vật										-	
		Năng lượng và sự biến đổi										-	
		Trái Đất và bầu trời										-	
	LỚP 7										-		
		Chất và sự biến đổi chất										-	
90	13	Sơ lược về bảng tuần hoàn các nguyên tố hóa học	Bảng tuần hoàn các nguyên tố hóa học	x	x	Tờ	01/GV		1	99,000	99,000		
		Tốc độ										-	

TT	STT	Chủ đề dạy học	Tên thiết bị	Đối tượng sử dụng		Đơn vị	Định mức	Ghi chú	Số lượng	Đơn giá khảo sát	Thành tiền	Ghi chú
				GV	HS							
		Vật sống									-	
		Trao đổi chất và chuyển hóa năng lượng ở sinh vật									-	
		Sinh trưởng và phát triển ở sinh vật									-	
		Sinh sản ở sinh vật									-	
	LỚP 8										-	
		Chất và sự biến đổi chất									-	
91	22		Quy tắc an toàn trong phòng thí nghiệm	x	x	Tờ	01/GV		1	99,000	99,000	
92	23	Acid - Base - pH - Oxide - Muối	Bảng tính tan trong nước của các acid-Base-Muối	x	x	Tờ	01/GV		1	99,000	99,000	
		Năng lượng và sự biến đổi									-	
		Vật sống									-	
		Hệ vận động ở người									-	
		Dinh dưỡng và tiêu hoá ở người									-	
		Máu và hệ tuần hoàn của cơ thể người									-	
		Hô hấp ở người									-	
		Hệ sinh thái									-	
	LỚP 9										-	
		Năng lượng và sự biến đổi									-	
		Vật sống									-	
		Từ gene đến protein									-	
		Di truyền nhiễm sắc thể									-	
	III	THIẾT BỊ, DỤNG CỤ, HÓA CHẤT THEO CHỦ ĐỀ (Cột số lượng tính cho một phòng học bộ môn, các thiết bị dùng chung (TBDC) tính số lượng ở phần thiết bị dùng chung, không tính									-	
	LỚP 6										-	

TT	STT	Chủ đề dạy học	Tên thiết bị	Đối tượng sử dụng		Đơn vị	Định mức	Ghi chú	Số lượng	Đơn giá khảo sát	Thành tiền	Ghi chú
				GV	HS							
		Chất và sự biến đổi chất									-	
		Các thể (trạng thái) của chất									-	
93	1	Tính chất và sự chuyển thể của chất	Bộ thí nghiệm nóng chảy và đông đặc	x	x	Bộ	7		4	244,800	979,200	
		Oxygen (oxi) và không khí									-	
94	2		Bộ dụng cụ và hóa chất điều chế oxygen	x	x	Bộ	7		4	200,000	800,000	
95	3		Bộ dụng cụ xác định thành phần phần trăm thể tích	x	x	Bộ	7		7	183,400	1,283,800	
		Chất tinh khiết, hỗn hợp, dung dịch									-	
96	4		Bộ dụng cụ và hóa chất thí nghiệm để phân biệt dung dịch; dung môi	x	x	Bộ	7		4	200,000	800,000	
		Tách chất ra khỏi hỗn hợp									-	
97	5		Bộ dụng cụ và hóa chất thí nghiệm tách chất	x	x	Bộ	7		7	460,000	3,220,000	
		Vật sống									-	
		Tế bào đơn vị cơ sở của sự sống									-	
98	6		Bộ dụng cụ quan sát tế bào	x	x	Bộ	7		7	3,780,000	26,460,000	
99	7		Bộ dụng cụ làm tiêu bản tế bào	x	x	Bộ	7		7	387,000	2,709,000	
100	8		Bộ dụng cụ quan sát sinh vật đơn bào	x	x	Bộ	7		7	423,000	2,961,000	
101	9		Bộ dụng cụ quan sát nguyên sinh vật	x	x	Bộ	7		7	192,600	1,348,200	
102	10		Bộ dụng cụ quan sát nấm	x	x	Bộ	7		7	400,000	2,800,000	
103	11		Bộ dụng cụ thu thập và quan sát sinh vật ngoài thiên nhiên	x	x	Bộ	7		7	6,178,000	43,246,000	
		Năng lượng và sự biến đổi									-	
		Các phép đo									-	
		Lực									-	

TT	STT	Chủ đề dạy học	Tên thiết bị	Đối tượng sử dụng		Đơn vị	Định mức	Ghi chú	Số lượng	Đơn giá khảo sát	Thành tiền	Ghi chú
				GV	HS							
104	13		Bộ dụng cụ minh họa lực không tiếp xúc	x	x	Bộ	7		7	28,000	196,000	
105	14		Bộ thiết bị chứng minh lực cản của nước	x	x	Bộ	7		7	2,670,000	18,690,000	
106	15		Bộ thiết bị thí nghiệm độ giãn lò xo	x	x	Bộ	7		7	924,800	6,473,600	
	LỚP 7										-	
		Năng lượng và biến đổi									-	
		Tốc độ									-	
		Âm thanh									-	
107	18		Bộ dụng cụ thí nghiệm về sóng âm	x	x	Bộ	7		7	4,892,000	34,244,000	
		Ánh sáng									-	
108	19		Bộ dụng cụ thí nghiệm thu năng lượng ánh sáng	x	x	Bộ	7		7	992,000	6,944,000	
109	20		Bộ dụng cụ thí nghiệm về ánh sáng	x	x	Bộ	7		7	240,000	1,680,000	
		Từ									-	
110	21		Bộ dụng cụ thí nghiệm về nam châm vĩnh cửu	x	x	Bộ	7		7	224,000	1,568,000	
111	22		Bộ dụng cụ chế tạo nam châm	x	x	kg	1		1	856,000	856,000	
112				x	x	Bộ	7		7	85,000	595,000	
113	23		Bộ thí nghiệm từ phổ	x	x	Bộ	7		7	465,000	3,255,000	
		Trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng ở sinh vật									-	
114	24		Bộ dụng cụ thí nghiệm quang hợp	x	x	Bộ	7		7	759,000	5,313,000	
115	25		Bộ dụng cụ thí nghiệm hô hấp tế bào	x	x	Bộ	7		7	283,000	1,981,000	
116	26		Bộ dụng cụ chứng minh thân vận chuyển nước	x	x	Bộ	7		7	1,220,000	8,540,000	

TT	STT	Chủ đề dạy học	Tên thiết bị	Đối tượng sử dụng		Đơn vị	Định mức	Ghi chú	Số lượng	Đơn giá khảo sát	Thành tiền	Ghi chú
				GV	HS							
117	27		Bộ thí nghiệm chứng minh lá thoát hơi nước	x	x	Bộ	7		7	980,000	6,860,000	
	LỚP 8										-	
		Chất và sự biến đổi chất									-	
		Phản ứng hóa học									-	
118	28	Biến đổi vật lý và biến đổi hóa học	Bộ dụng cụ và hóa chất Thí nghiệm tìm hiểu về hiện tượng chất biến đổi	x	x	Bộ	7		4	92,400	369,600	
119	30	Định luật bảo toàn khối lượng	Bộ thí nghiệm chứng minh định luật bảo toàn khối lượng	x	x	Bộ	7		7	167,200	1,170,400	
120	31		Bộ dụng cụ và hóa chất thí nghiệm pha chế một dung dịch	x	x	Bộ	7		7	55,000	385,000	
		Tốc độ phản ứng và chất xúc tác									-	
121	32		Bộ dụng cụ thí nghiệm so sánh tốc độ của một phản ứng hóa học	x	x	Bộ	7		6	8,492,000	50,952,000	
122	33		Bộ dụng cụ thí nghiệm về tốc độ của phản ứng hóa học	x	x	Bộ	7		6	8,250,000	49,500,000	
123	34		Bộ dụng cụ thí nghiệm về ảnh hưởng của chất xúc tác	x	x	Bộ	7		6	88,000	528,000	
		Acid- Base- pH - Oxide- Muối									-	
124	35	Acid	Bộ dụng cụ và hóa chất Thí nghiệm của hydrochloric acid	x	x	Bộ	7		4	150,000	600,000	
125	36	Base	Bộ dụng cụ và hóa chất thí nghiệm của base	x	x	Bộ	7		4	473,000	1,892,000	
126	37	Thang đo pH	Bộ dụng cụ và thí nghiệm đo pH	x	x	Bộ	7		5	19,000	95,000	
127	38	oxide	Bộ dụng cụ và hóa chất Thí nghiệm của oxide	x	x	Bộ	7		4	99,000	396,000	
128	39	Muối	Bộ dụng cụ và hóa chất thí nghiệm của muối	x	x	Bộ	7		4	213,400	853,600	
		Năng lượng và sự biến đổi									-	

TT	STT	Chủ đề dạy học	Tên thiết bị	Đối tượng sử dụng		Đơn vị	Định mức	Ghi chú	Số lượng	Đơn giá khảo sát	Thành tiền	Ghi chú
				GV	HS							
		Khối lượng riêng và áp suất									-	
129	41		Bộ dụng cụ thí nghiệm áp suất chất lỏng	x	x	Bộ	7		7	220,000	1,540,000	
130	42		Bộ dụng cụ thí nghiệm áp lực	x	x	Bộ	7		7	880,000	6,160,000	
131	43		Bộ dụng cụ thí nghiệm áp suất khí quyển	x	x	Bộ	7		7	99,000	693,000	
		Tác dụng làm quay của lực									-	
132	44		Bộ dụng cụ thí nghiệm tác dụng làm quay của lực	x	x	Bộ	7		7	132,000	924,000	
		Điện									-	
133	45		Bộ dụng cụ thí nghiệm dẫn điện	x	x	Bộ	7		7	176,000	1,232,000	
134	46		Bộ dụng cụ thí nghiệm tác dụng của dòng điện	x	x	Bộ	7		7	352,000	2,464,000	
		Nhiệt									-	
135	47		Bộ dụng cụ đo năng lượng nhiệt	x	x	Bộ	7		7	1,056,000	7,392,000	
136	48		Bộ dụng cụ thí nghiệm nở vì nhiệt	x	x	Bộ	7		7	1,650,000	11,550,000	
		Vật sống									-	
		Hệ vận động ở người									-	
137	49		Bộ băng bó cho người gãy xương tay, xương chân	x	x	Bộ	7		7	528,000	3,696,000	
		Máu và hệ tuần hoàn của cơ thể người									-	
138	50		Dụng cụ đo huyết áp	x	x	Bộ	2		2	1,430,000	2,860,000	
		Da và điều hoà thân nhiệt ở người									-	
139	51		Dụng cụ đo thân nhiệt	x	x	Cái	7		7	72,000	504,000	
		Hệ sinh thái									-	

TT	STT	Chủ đề dạy học	Tên thiết bị	Đối tượng sử dụng		Đơn vị	Định mức	Ghi chú	Số lượng	Đơn giá khảo sát	Thành tiền	Ghi chú
				GV	HS							
140	52		Dụng cụ điều tra thành phần quần xã sinh vật	x	x	Bộ	7		7	2,100,000	14,700,000	
	LỚP 9										-	
		Năng lượng và sự biến đổi									-	
		Ánh sáng									-	
141	53		Bộ dụng cụ thí nghiệm phân tích ánh sáng trắng bằng lăng kính.	x	x	Bộ	7		7	465,000	3,255,000	
142	55		Bộ dụng cụ thí nghiệm khúc xạ, phản xạ toàn phần	x	x	Bộ	7		7	1,625,000	11,375,000	
		Điện									-	
		Điện từ									-	
143	61		Bộ thí nghiệm về dòng điện xoay chiều	x	x	Bộ	7		7	1,335,000	9,345,000	
		Chất và sự biến đổi của chất									-	
		Kim loại									-	
144	62	Dãy hoạt động hóa học	Bộ dụng cụ và hóa chất thí nghiệm dãy hoạt động của kim loại		x	Bộ	7		7	315,000	2,205,000	
		Ethylic alcohol (ancol etylic) và acetic acid (axit axetic)									-	
145	63	Ethylic alcohol	Bộ dụng cụ và hóa chất thí nghiệm về Ethylic alcohol	x	x	Bộ	7		7	500,000	3,500,000	

TT	STT	Chủ đề dạy học	Tên thiết bị	Đối tượng sử dụng		Đơn vị	Định mức	Ghi chú	Số lượng	Đơn giá khảo sát	Thành tiền	Ghi chú
				GV	HS							
146	64	Acetic acid	Bộ dụng cụ thí nghiệm acetic acid	x	x	Bộ	7		7	295,000	2,065,000	
		Lipid (Lipit) -Carbohydrate (cacbohidrat) -Protein									-	
147	65	Glucose	Bộ dụng cụ thí nghiệm phản ứng tráng bạc	x	x	Bộ	7		7	250,000	1,750,000	
148	66	Cellulose (xenlulozơ)	Bộ dụng cụ Thí nghiệm cellulose	x	x	Bộ	7		7	50,000	350,000	
149	67		Bộ dụng cụ thí nghiệm tinh bột có phản ứng màu với iodine	x	x	Bộ	7		7	100,000	700,000	
		Vật sống									-	
		Nhiễm sắc thể									-	
150	68		Bộ thiết bị quan sát nhiễm sắc thể	x	x	Bộ	7		7	2,950,000	20,650,000	
	IV	BĂNG ĐĨA, PHẦN MỀM									-	
		Lớp 6									-	
		Vật sống									-	
		Đa dạng thế giới sống									-	
	LỚP 7										-	
		Chất và sự biến đổi chất									-	
		Phân tử									-	

TT	STT	Chủ đề dạy học	Tên thiết bị	Đối tượng sử dụng		Đơn vị	Định mức	Ghi chú	Số lượng	Đơn giá khảo sát	Thành tiền	Ghi chú	
				GV	HS								
		Năng lượng và sự biến đổi									-		
		Tốc độ									-		
		Âm thanh									-		
		Ánh sáng									-		
		Từ									-		
		Vật sống									-		
		Trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng ở sinh vật									-		
		Cảm ứng ở sinh vật									-		
		Sinh trưởng và phát triển ở sinh vật									-		
		Sinh sản vô tính ở sinh vật									-		
	LỚP 8										-		
		Năng lượng và sự biến đổi									-		
		Vật sống									-		
		Máu và hệ tuần hoàn của cơ thể người									-		
		Hô hấp ở người									-		
		Hệ thần kinh và các giác quan ở người									-		
	LỚP 9										-		
		Năng lượng và sự biến đổi									-		
		Ánh sáng									-		
		Chất và sự biến đổi của chất									-		
		Vật sống									-		
		Từ gene đến protein									-		
	yết minh (hoặc phụ đề) bằng tiếng Việt, đáp ứng yêu cầu của Chương trình môn học, sử dụng được trên máy tính cả khi không kết nối internet, hỗ trợ dạy học và kiểm tra đánh giá.											-	
	V	MẪU VẬT, MÔ HÌNH									-		
	LỚP 8										-		
		Vật sống									-		

TT	STT	Chủ đề dạy học	Tên thiết bị	Đối tượng sử dụng		Đơn vị	Định mức	Ghi chú	Số lượng	Đơn giá khảo sát	Thành tiền	Ghi chú
				GV	HS							
151	1	Đa dạng thế giới sống	Mẫu động vật ngâm trong lọ	x	x	Bộ	2		2	2,550,000	5,100,000	2.550.000đ/bộ 3 l
152	2	Các cơ quan và hệ cơ quan trong cơ thể người	Mô hình cấu tạo cơ thể người	x	x	Bộ	1		1	5,925,000	5,925,000	
	LỚP 9										-	
		Chất và sự biến đổi của chất									-	
153	3	Giới thiệu về chất hữu cơ	Bộ mô hình phân tử dạng đặc	x	x	Bộ	7		4	400,000	1,600,000	
154	4		Mô hình phân tử dạng rỗng	x	x	Bộ	7		4	261,000	1,044,000	
		Từ gene đến protein									-	
	N CÔNG NGHỆ										-	
	A	THIẾT BỊ DÙNG CHUNG									-	
	I	VẬT LIỆU, DỤNG CỤ CƠ KHÍ									-	

TT	STT	Chủ đề dạy học	Tên thiết bị	Đối tượng sử dụng		Đơn vị	Định mức	Ghi chú	Số lượng	Đơn giá khảo sát	Thành tiền	Ghi chú
				GV	HS							
	II	VẬT LIỆU, DỤNG CỤ ĐIỆN, ĐIỆN TỬ									-	
	III	THIẾT BỊ CƠ BẢN									-	
	IV	THIẾT BỊ BẢO HỘ									-	
155	I		Găng tay bảo hộ lao động	x		Cái	01/HS/PHBM	Dùng cho lớp 6, 7, 8, 9	44	39,600	1,742,400	
156	2		Kính bảo hộ	x		Cái	01/HS/PHBM	Dùng cho lớp 6, 7, 8, 9	44	75,000	3,300,000	
	B	THIẾT BỊ THEO CÁC CHỦ ĐỀ									-	
	I	TRANH ẢNH									-	
	1	Nhà ở									-	
	2	Bảo quản và chế biến thực phẩm									-	
	3	Trang phục và thời trang									-	
	4	Đồ dùng điện trong gia đình									-	
	5	Mở đầu về trồng trọt									-	
	6	Quy trình sản xuất trong trồng trọt									-	
	7	Mở đầu về chăn nuôi									-	
	8	Nuôi thủy sản									-	
	9	Vẽ kĩ thuật									-	
	10	An toàn điện									-	
	11	Kĩ thuật điện									-	
	12	Định hướng nghề nghiệp									-	
	II	MÔ HÌNH, MẪU VẬT									-	
	1	Trang phục và thời trang									-	

TT	STT	Chủ đề dạy học	Tên thiết bị	Đối tượng sử dụng		Đơn vị	Định mức	Ghi chú	Số lượng	Đơn giá khảo sát	Thành tiền	Ghi chú
				GV	HS							
157	1.1		Hộp mẫu các loại vải	x	x	Hộp	01/PHBM	Dùng cho lớp 6, 9	1	171,000	171,000	
	2	Đồ dùng điện trong gia đình									-	
158	2.3		Bóng đèn các loại	x	x	Bộ	04/PHBM	Dùng cho lớp 6, 9	2	324,000	648,000	
	3	Vẽ kĩ thuật									-	
	4	Cơ khí									-	
159	4.1		Mẫu vật liệu cơ khí.	x	x	Bộ	02/PHBM	Dùng cho lớp 8	2	440,000	880,000	
160	4.2		Cơ cấu truyền và biến đổi chuyển động.	x	x	Bộ	04/PHBM	Dùng cho lớp 8	3	1,220,000	3,660,000	
	III	DỤNG CỤ									-	
	1	Bảo quản và chế biến thực phẩm									-	
	2	Quy trình sản xuất trong trồng trọt									-	
	3	Nuôi thủy sản									-	
	4	Vẽ kĩ thuật									-	
	5	Cơ khí									-	
	6	An toàn điện									-	
	IV	BẢNG/ĐĨA/PHẦN MỀM									-	
	1	Nhà ở									-	
	2	Bảo quản và chế biến thực phẩm									-	
	3	Trang phục và thời trang									-	
	4	Đồ dùng điện trong gia đình									-	
	5	An toàn điện									-	

TT	STT	Chủ đề dạy học	Tên thiết bị	Đối tượng sử dụng		Đơn vị	Định mức	Ghi chú	Số lượng	Đơn giá khảo sát	Thành tiền	Ghi chú
				GV	HS							
		hiệu 1280x720) hình ảnh và âm thanh rõ nét, có thuyết minh (hoặc phụ đề) bằng tiếng Việt.									-	
	C	THIẾT BỊ DẠY HỌC THEO MÔ ĐUN TỰ CHỌN (LỚP 9)									-	
	I	CÁC MÔ ĐUN CÔNG NGHIỆP									-	
	I.1	Thiết bị dùng chung cho các mô đun: Sử dụng bộ dụng cụ cơ khí và điện trong danh mục TBDC									-	
	I.2	Thiết bị theo các mô đun									-	
	1	Mô đun 1: Lắp đặt mạng điện trong nhà (Dùng cho lớp 9)									-	
161	1.2		Bộ thiết bị lắp mạng điện trong nhà	x	x	Bộ	04/PHBM		4	990,000	3,960,000	
	2	Mô đun 2: Lắp đặt mạch điện trang trí, báo hiệu (Dùng cho lớp 9)									-	
	3	Mô đun 3: Lắp đặt hệ thống điều khiển chiếu sáng cho ngôi nhà thông minh (Dùng cho lớp 9)									-	
	4	Mô đun 4: Lắp đặt mạng điện an ninh, bảo vệ trong ngôi nhà thông minh (Dùng cho lớp 9)									-	
	5	Mô đun 5: Lắp đặt mạch điện tiện ích trong gia đình sử dụng kit vi điều khiển ứng dụng (Dùng cho lớp 9)									-	
	II	CÁC MÔ ĐUN NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN									-	
	II.1	Thiết bị dùng chung cho các mô đun (Dùng cho lớp 9)									-	
	II.2	Thiết bị theo các mô đun									-	
	1	Mô đun 1: Trồng cây ăn quả (Dùng cho lớp 9)									-	
	2	Mô đun 2: Nuôi gà lấy thịt theo tiêu chuẩn VietGAP (Dùng cho lớp 9)									-	
	3	Mô đun 3: Trồng cây rừng (Dùng cho lớp 9)									-	
	4	Mô đun 4: Nông nghiệp 4.0 (Dùng cho lớp 9)									-	
	III	CÁC MÔ ĐUN DỊCH VỤ									-	
	III.1	Thiết bị dùng chung của các mô đun: Sử dụng các thiết bị dùng chung của cấp THCS									-	

TT	STT	Chủ đề dạy học	Tên thiết bị	Đối tượng sử dụng		Đơn vị	Định mức	Ghi chú	Số lượng	Đơn giá khảo sát	Thành tiền	Ghi chú
				GV	HS							
	III.2	Thiết bị theo các mô đun.									-	
	1	Mô đun 1: Cắt may (Dùng cho lớp 9)									-	
	2	Mô đun 2: Chế biến thực phẩm (đưa tối thiểu) (Dùng cho lớp 9)									-	
	3	Mô đun 3: Làm hoa giấy, hoa vải (dùng chung với cắt may) (Dùng cho lớp 9)									-	
	4	Mô đun 4: Cắm hoa nghệ thuật (Dùng cho lớp 9)									-	
	NỘI DUNG HỌC										-	
	I	PHÒNG THỰC HÀNH TIN HỌC									-	
	II	PHẦN MỀM									-	
	1	Tất cả các chủ đề									-	
	2	Chủ đề: Ứng dụng tin học									-	
	3	Chủ đề: Giải quyết vấn đề với sự trợ giúp của máy tính									-	
	4	Chủ đề: Tổ chức lưu trữ, tìm kiếm và trao đổi thông tin									-	
	III	DỤNG CỤ									-	
		Chủ đề: Mạng máy tính và Internet									-	
	DẠY THỂ CHẤT										-	
	I	THIẾT BỊ DÙNG CHUNG									-	
162	1		Đồng hồ bấm giây	x		Chiếc	01/GV		1	558,000	558,000	
163	5		Biển lật số	x	x	Bộ	01/GV		1	568,000	568,000	
	II	THIẾT BỊ THEO CHỦ ĐỀ									-	
	1	Ném bóng (dùng cho lớp 6)									-	

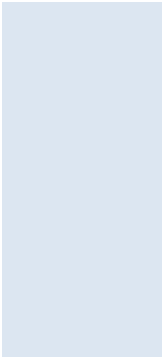
TT	STT	Chủ đề dạy học	Tên thiết bị	Đối tượng sử dụng		Đơn vị	Định mức	Ghi chú	Số lượng	Đơn giá khảo sát	Thành tiền	Ghi chú
				GV	HS							
	2	Chạy cự li ngắn (Dùng cho lớp 6,7,8,9)									-	
	3	Nhảy xa (Dùng cho lớp 7)									-	
	4	Nhảy cao (Dùng cho lớp 8,9)									-	
164	4.1		Cột nhảy cao	x	x	Bộ	01/GV		1	4,290,000	4,290,000	
165	4.3		Đệm nhảy cao	x	x	Bộ (2 tấm)	02/trường		1	25,880,000	25,880,000	
	III	THIẾT BỊ THEO CHỦ ĐỀ TỰ CHỌN (Chỉ trang bị những dụng cụ tương ứng, phù hợp với môn thể thao được nhà trường lựa chọn)									-	
	1	Bóng đá (Dùng cho lớp 6,7,8,9)									-	
	2	Bóng rổ (Dùng cho lớp 6,7,8,9)									-	
	3	Bóng chuyền (Dùng cho lớp 6,7,8,9)									-	
	4	Bóng bàn (Dùng cho lớp 6,7,8,9)									-	
	5	Cầu lông (Dùng cho lớp 6,7,8,9)									-	
	6	Đá cầu (Dùng cho lớp 6,7,8,9)									-	
	7	Võ (Dùng cho lớp 6,7,8,9)									-	
	10	Cờ vua (Dùng cho lớp 6,7,8,9)									-	
	11	Bơi (Dùng cho lớp 6,7,8,9)									-	
	12	Thể dục Aerobic (Dùng cho lớp 6,7,8,9)									-	
	IỆ THUẬT (ÂM NHẠC)										-	
	I	Nhạc cụ thể hiện tiết tấu									-	
	II	Nhạc cụ thể hiện giai điệu, hoà âm									-	

TT	STT	Chủ đề dạy học	Tên thiết bị	Đối tượng sử dụng		Đơn vị	Định mức	Ghi chú	Số lượng	Đơn giá khảo sát	Thành tiền	Ghi chú
				GV	HS							
	III	Thiết bị dùng chung cho các nội dung									-	
	Ệ THUẬT (MĨ THUẬT)										-	
	I	THIẾT BỊ DÙNG CHUNG (trang bị cho một phòng học bộ môn)									-	
	II	TRANH ẢNH PHỤC VỤ KIẾN THỨC CƠ BẢN									-	
	ÀI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP										-	
	A	THIẾT BỊ DÙNG CHUNG									-	
	B	THIẾT BỊ THEO CÁC CHỦ ĐỀ									-	
	I	TRANH ẢNH									-	
	II	Video/clip									-	
	1	Hoạt động hướng vào bản thân									-	
	2	Hoạt động hướng đến xã hội									-	
	3	Hoạt động hướng đến tự nhiên									-	
	4	Hoạt động hướng nghiệp									-	
	III	DỤNG CỤ									-	
	BỊ DÙNG CHUNG										-	
	TỔNG CỘNG								1,481	186,207,754	680,434,740	

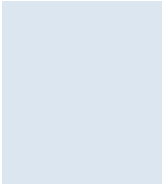
HIỆU TRƯỞNG

Lê Thị Thúy Liễu

MS tập trung (!)	Đánh dấu
------------------	----------



MS tập trung (!)	Đánh dấu
------------------	----------



MS tập trung (!)	Đánh dấu
------------------	----------

MS tập trung (!)	Đánh dấu
ộ: 3.520.000	

1

TM2

MS tập trung (!)	Đánh dấu
------------------	----------

TM2

TM2

1	
1	
1	

TM2

1	
1	
1	
1	
1	
1	

TM2

1	
1	
1	
1	

TM2

MS tập trung (!)	Đánh dấu
------------------	----------

TM2

1	
---	--

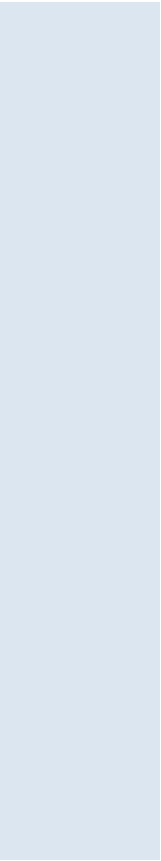
TM2

TM2

TM2

TM2

TM2



MS tập trung (!)

Đánh dấu

MS tập trung (!)	Đánh dấu
TM	
TM	
TM	
TM	
TM	
TM	
TM	
TM	
TM	
TM	

MS tập trung (!)

Đánh dấu

TM	
TM	
TM	

MS tập trung (!)	Đánh dấu
TM	

1	
1	
1	

1
1
1

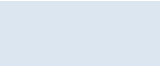
TM2

1

TM2

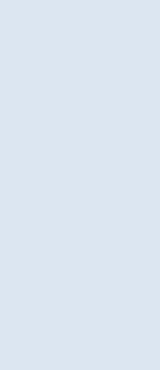
TM2

TM2



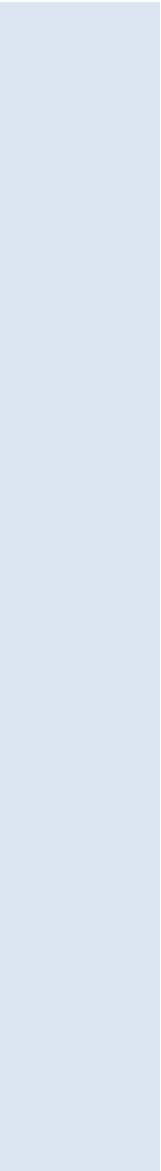
MS tập trung (!)	Đánh dấu
	1
	1
	1
	1

TM



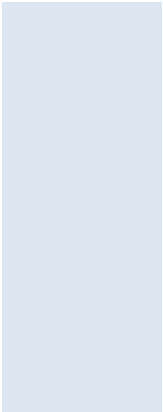
	MS tập trung (!)	Đánh dấu
lọ		

TM2



MS tập trung (!)	Đánh dấu
------------------	----------

MS tập trung (!)	Đánh dấu
------------------	----------



MS tập trung (!)

Đánh dấu

